

Bản án số: 47/2019/HSST
Ngày: 19-8-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2019/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST – HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thiện T (tên gọi khác: T c), sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Đồng T, xã Phước T, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình L và bà Huỳnh Thị Kim H; Tiền sự: Không.

Tiền án: 02.

Tại bản án số XX/2013/HSST ngày XX/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị can chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/9/2013, chưa đóng án phí.

Tại bản án số XX/2016/HSST ngày XX/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 03 năm tù về tội Giao cấu với trẻ em. Bị can chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/02/2018 nhưng chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày XX/11/2012 bị Công an huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” bị cáo đã chấp hành xong.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2019 cho đến nay (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đồng T, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 31/3/2019, Trần Thiện T đi bộ từ nhà ra Quốc lộ 14 đón xe ô tô khách xuống khu vực cầu A, thành phố Đ mua 500.000đ ma túy của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch). Sau khi mua xong, T đón xe khách mang ma túy về nhà cất giấu. Đến khoảng 9 giờ ngày 01/4/2019, T lấy ma túy cho vào túi quần rồi mượn xe mô tô biển số: 93P1 - 185.XX của anh Nguyễn Sĩ K (xe do ông Nguyễn Xuân T1 là bố của anh K đứng tên chủ sở hữu) điều khiển ra lô cao su thuộc thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B để sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại bản giám định số XX/2019/GĐKTHS ngày 08/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chất màu trắng có trong gói nylon được niêm phong (ký hiệu M có chữ ký của T) gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,3521 gam, loại Methamphetamine.

- Về vật chứng vụ án:

+ Số ma túy còn lại sau giám định, Cơ quan điều tra đã chuyển Chi cục THADS huyện B để phục vụ việc truy tố, xét xử (BL 90).

+ Xe mô tô biển số: 93P1 - 185.XX thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Xuân T1, bị can T sử dụng vào việc phạm tội ông T1 hoàn toàn không biết nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã bị thu giữ.

Tại bản cáo trạng số: XX/CT –VKS - BĐ ngày 19/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Thiện T về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o Khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thiện T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”; về hình phạt, áp dụng điểm o Khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thiện T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Trần Thiện T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 23 giờ ngày 31/3/2019, Trần Thiện T đến khu vực cầu A, thành phố ĐX, tỉnh B mua 01 gói ma túy với giá 500.000đ của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) mang về nhà cất giấu, không nhằm mục đích mua bán và sản xuất ma túy. Đến ngày 01/4/2019 T mang ma túy đến lô cao su thuộc thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ tang vật.

Qua giám định Chất màu trắng có trong gói nyon là ma túy, có khối lượng 0,3521 gam, loại Methamphetamine.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Thiện T đã phạm vào “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do bị cáo có 02 tiền án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “giao cấu với trẻ em” chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định

“1. Người nào tàng trữ chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Hêrôin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA, có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

o) Tái phạm nguy hiểm.”

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên do lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Cần tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 85 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

Đối với xe mô tô biển số: 93P1 - 185.XX thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Xuân T1, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với Nguyễn Sĩ K là người cho T mượn xe đi sử dụng ma túy, do không biết T sử dụng vào việc phạm tội, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông tên Lý bán ma túy cho bị cáo chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về hình phạt là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Thiện T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm o Khoản 2 Điều 249, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện T 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2019.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 01 phong bì niêm phong số 85 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009XXX ngày 13/6/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thiện T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long